

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-7-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng
2. Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trục – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng Nga – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Vân N**, sinh năm 1995.

Bị đơn: Ông **Đinh Minh H**, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: số 205/2B ấp Mỹ An B, xã M, thành phố B, tỉnh B1.

Bà N xin vắng mặt, ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân N trình bày:

Bà và ông Đinh Minh H kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre vào ngày 11/9/2020, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống không hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông H không quan tâm chăm sóc gia đình, không tin tưởng bà và không tôn trọng gia đình của bà nên thường xuyên cự cãi. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông

H nên yêu cầu xin được ly hôn.

Về con chung: bà và ông H có 01 con chung tên Đinh Đan Đ, sinh ngày 22/8/2020, hiện con chung đang sống với bà nên sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà và ông H không tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên bà không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa được. Vì vậy, bà có đơn xin vắng mặt tại Tòa và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Bị đơn ông Đinh Minh H trình bày:

Ông còn thương bà N nên không đồng ý ly hôn và ông yêu cầu được có thời gian để ông và bà N tự hòa giải với nhau.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật: Những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật; Bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật trong việc tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vân N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Vân N khởi kiện ông Đinh Minh H yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đinh Minh H là bị đơn cư trú tại thành phố B, tỉnh B1 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Vân N có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đinh Minh H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa Nng ông H vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Vân N và ông Đinh Minh H kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre vào ngày 11/9/2020, hôn nhân tự nguyện nên đây là hôn nhân

hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân, bà N cho rằng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông H không quan tâm chăm sóc gia đình, không tin tưởng bà và không tôn trọng gia đình của bà nên thường xuyên cự cãi. Ông H không đồng ý ly hôn và muốn có thời gian tự hòa giải với bà N. Xét thấy, Ông Đinh Minh H cho rằng còn thương bà N, muốn có thời gian hàn gắn tình cảm Nng khi Tòa án triệu tập ông H để tham gia phiên hòa giải thì ông H không đến tòa án, Tòa án triệu tập ông H tham gia phiên tòa Nng ông H vắng mặt và không có lời trình bày thêm ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N thể hiện ông H cũng không còn muốn hàn gắn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông H là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Vân N đối với ông Đinh Minh H.

[3.2] Về con chung: bà Nguyễn Thị Vân N và ông Đinh Minh H có 01 con chung tên Đinh Đan Đ, sinh ngày 22/8/2020, sau khi ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, ông H không có trình bày ý kiến gì về việc yêu cầu nuôi dưỡng con chung của bà N, đồng thời hiện tại con chung đang sống chung với bà N nên việc giao con chung cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị Vân N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Vân N phải nộp.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân N đối với bị đơn ông Đinh Minh H về việc tranh chấp ly hôn, cụ thể tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Vân N được ly hôn ông Đinh Minh H.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Đan Đ, sinh ngày 22/8/2020 cho bà Nguyễn Thị Vân N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đinh Minh H được quyền đến thăm chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng N mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị Vân N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Vân N phải nộp Nng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005280 ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

6. Bà Nguyễn Thị Vân N và ông Đinh Minh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Xuân Triều